

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH LONG
TỈNH VINH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2021/DS-ST

Ngày: 22 - 02 - 2021

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH LONG - TỈNH VINH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Cường

Bà Võ Thị Mỹ Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trà My - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh Long tham gia phiên tòa: Ông Trần Hoàng Tú - Kiểm sát viên

Trong ngày 22 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 213/2020/TLST-DS ngày 06/11/2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 184/2020/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Phương Tr, sinh năm 1974 (có mặt)

Nơi cư trú: số nhà S, đường N, Phường N, thành phố V, tỉnh Vinh Long

- Bị đơn: Bà Nguyễn Trúc Th, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Nơi cư trú: số nhà F, đường P, Khóm M, Phường T, thành phố V, tỉnh Vinh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/10/2020 và quá trình giải quyết vụ án, bà Trần Thị Phương Tr trình bày:

Ngày 01/4/2019, bà Tr cho bà Nguyễn Trúc Th vay số tiền 250.000.000đ, không thỏa thuận lãi suất, thời hạn vay 03 tháng. Ngày 01/3/2020, bà Th tiếp tục vay thêm số tiền 200.000.000đ, không thỏa thuận lãi suất, thời hạn vay 03 tháng. Cả hai lần vay tiền, bà Th đều viết tay biên nhận nợ và ký tên. Tổng cộng nợ vay gốc của bà Th đến ngày 01/3/2020 là 450.000.000đ. Ngày 20/3/2020, bà Th trả

bà Tr số tiền gốc 100.000.000đ, còn nợ lại 350.000.000đ. Bà Tr kiện yêu cầu bà Th trả bà Tr nợ gốc 350.000.000đ, trả tiền lãi với lãi suất 1,125%/tháng từ ngày vi phạm thỏa thuận trả nợ là ngày 02/6/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Đối với bị đơn Nguyễn Trúc Th: Tòa án thông qua Văn phòng Thừa Phát Lại V tiến hành tổng đạt, niêm yết hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, Tòa án không nhận văn bản trình bày ý kiến của bà Th gửi Tòa án. Tòa án cũng không tiến hành phiên hòa giải được do đương sự vắng mặt nhiều lần, không có lý do.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về tiền lãi, yêu cầu bị đơn trả tiền lãi chậm trả từ ngày 02/6/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm với lãi suất 0,83%/tháng; giữ nguyên yêu cầu khởi kiện còn lại. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai, không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đều tuân theo đúng quy định pháp luật tố tụng; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự đều thực hiện đúng quy định pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 357, 463, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tr. Buộc bà Th trả bà Tr tổng cộng số tiền gốc và lãi 375.176.600đ. Buộc bà Th nộp 18.759.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Tr khởi kiện bà Th tranh chấp hợp đồng vay tài sản vì cho rằng có quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm là có quyền khởi kiện. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại thành phố V nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long. Bà Th vắng mặt lần thứ hai không có lý do dù đã được triệu tập hợp lệ. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn. Vì vậy, thủ tục tố tụng trong vụ án đảm bảo quy định tại các Điều 26, 35, 39, 186, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Hợp đồng vay tài sản số tiền 450.000.000đ vào ngày 01/4/2019, 01/3/2020 giữa bà Th với bà Tr được thể hiện tại bản chính Biên nhận tiền có chữ viết, chữ ký tên của bà Th tại mục người nhận tiền. Cùng biên nhận này cũng thể hiện nội dung bà Th trả bà Tr số tiền 100.000.000đ vào ngày 20/3/2020, nợ gốc còn lại 350.000.000đ. Theo nguyên đơn trình bày đây chính là chữ ký tên, chữ viết của bà Th viết, ký ra.

Tại xác nhận ngày 30/9/2020, Công an Phường T, thành phố V xác nhận bà Th có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: số nhà F, đường P, Khóm M, Phường T, thành phố V. Quá trình tiến hành tố tụng, bà Th đã được tổng đạt, niêm yết hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án nhưng không cung cấp văn bản trình bày ý kiến phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu do nguyên đơn đưa ra. Căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu nguyên đơn đưa ra nên đây được xem là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tr, buộc bà Th trả bà Tr số tiền nợ gốc 350.000.000đ.

[3] Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy Biên nhận tiền đề ngày 01/4/2019, 01/3/2020 không thể hiện nội dung thỏa thuận về lãi suất. Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì lãi suất mà bà Th phải trả đối với khoản nợ chậm trả là 0,83%/tháng trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn trả tiền lãi chậm trả từ ngày 02/6/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm là 08 tháng 20 ngày với lãi suất 0,83%/tháng. Hội đồng xét xử nhận thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tiền lãi mà bà Th phải trả bà Tr như sau: $350.000.000đ \times 0,83\%/tháng \times 08 \text{ tháng } 20 \text{ ngày} = 25.176.600đ$. Tổng cộng nợ gốc và lãi bà Th phải trả bà Tr là: 375.176.600đ.

[4] Án phí: Buộc bà Th nộp 18.759.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả bà Tr số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Xét ý kiến về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V là có căn cứ để chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 92, 147, 186, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Phương Tr.

Buộc bà Nguyễn Trúc Th trả bà Trần Thị Phương Tr tổng cộng số tiền gốc và lãi 375.176.600đ (ba trăm bảy mươi lăm triệu một trăm bảy mươi sáu ngàn sáu trăm đồng), trong đó: nợ gốc 350.000.000đ (ba trăm năm mươi triệu đồng), nợ lãi 25.176.600đ (hai mươi lăm triệu một trăm bảy mươi sáu ngàn sáu trăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Án phí: Buộc bà Nguyễn Trúc Th nộp 18.759.000đ (mười tám triệu bảy trăm năm mươi chín ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả bà Trần Thị Phương Tr số tiền tạm ứng án phí 4.572.000đ (bốn triệu năm trăm bảy mươi hai ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số No 0005785 ngày 19/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh: 1;
- Viện kiểm sát: 1;
- Chi cục Thi hành án: 1;
- Đương sự: 2;
- Lưu: 5.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Vân

